

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

(V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: xóm 3, xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định.

***/ Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: thôn PV, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án – chị Trần Thị N là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Duy K tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2014, tuy nhiên, khi đó vì nhiều lý do nên anh chị không đi Đ ký kết hôn. Do đó, hiện nay anh chị không có Giấy chứng nhận Đ ký kết hôn. Quá trình vợ chồng

chung sống đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp được, chính vì vậy mà cho đến nay anh chị cũng quyết định không đi Đ ký kết hôn. Anh chị đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh K nữa, cũng không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung: Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hải B – sinh ngày 13/11/2016. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án – anh Nguyễn Duy K là bị đơn trình bày: anh và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2014, tuy nhiên không đi Đ ký kết hôn. Do đó, hiện nay anh chị không có Giấy chứng nhận Đ ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp được. Anh chị đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng, quan điểm anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung: Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hải B – sinh ngày 13/11/2016. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại buổi hòa giải tại trụ sở Tòa án thì chị N và anh K đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất được với nhau về con chung: cụ thể, sau khi không công nhận anh chị là vợ chồng thì chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hải B; anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hải Đ. Anh K và chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

* Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị N và anh K đều vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt, trình bày vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa, đều không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết không công nhận chị Trần Thị N và anh Nguyễn Duy K là vợ chồng; về con chung: ghi nhận thỏa thuận của chị N và anh K: giao con chung Nguyễn Hải Đ cho anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Nguyễn Hải B cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị N và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác. Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng chị N và anh K đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Duy K tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2014 nhưng không đi Đ ký kết hôn. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp được. Anh chị đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa không công nhận chị và anh K là vợ chồng. Về phía anh K, anh cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể cứ kéo dài cuộc sống hôn

nhân như vậy nên anh đồng ý với quan điểm của chị N là đề nghị Tòa không công nhận anh với chị N là vợ chồng.

Theo nội dung biên bản xác minh tại UBND xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội và công văn phúc đáp của UBND xã XP, huyện XT, tỉnh Nam Định, đều xác định: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Duy K không đi ký kết hôn theo quy định pháp luật. UBND xã KĐ xác nhận năm 2014 chị N và anh K có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và khoảng 02 năm nay không thấy chị N sinh sống tại nhà anh K, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở.

Xét thấy, chị N và anh K có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không thực hiện đi ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình thì pháp luật không công nhận chị N và anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh K đều xác nhận trong thời gian chung sống có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 27/11/2014 và Nguyễn Hải B – sinh ngày 13/11/2016. Tại buổi hòa giải tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, chị N và anh K tự nguyện thỏa thuận và thống nhất sau khi không công nhận anh chị là vợ chồng thì chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hải B; anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hải Đ. Anh K và chị N đều không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc thỏa thuận trên của chị N và anh K không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Hải Đ, nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: chị N và anh K đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết. Vì vậy, giành quyền khởi kiện cho chị N, anh K nếu có tranh chấp về tài sản, công nợ, công sức trong thời kỳ chung sống với nhau bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 15, 16, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật hôn nhân và gia đình; mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều

147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Duy K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải B – sinh ngày 13/11/2016 cho chị Trần Thị N là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Nguyễn Hải Đ – sinh ngày 27/11/2014 cho anh Nguyễn Duy K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh K và chị N cho đến khi có thay đổi hoặc có yêu cầu mới.

Anh K và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị N và anh K đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho anh K, chị N nếu có tranh chấp về tài sản, công nợ, công sức trong thời kỳ chung sống với nhau bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057386 ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện